

# BÁO CÁO TÌNH HÌNH KINH TẾ VĨ MÔ THÁNG 9 & 9 Tháng NĂM 2018

## Biến động các chỉ tiêu kinh tế vĩ mô 9 tháng đầu năm 2018

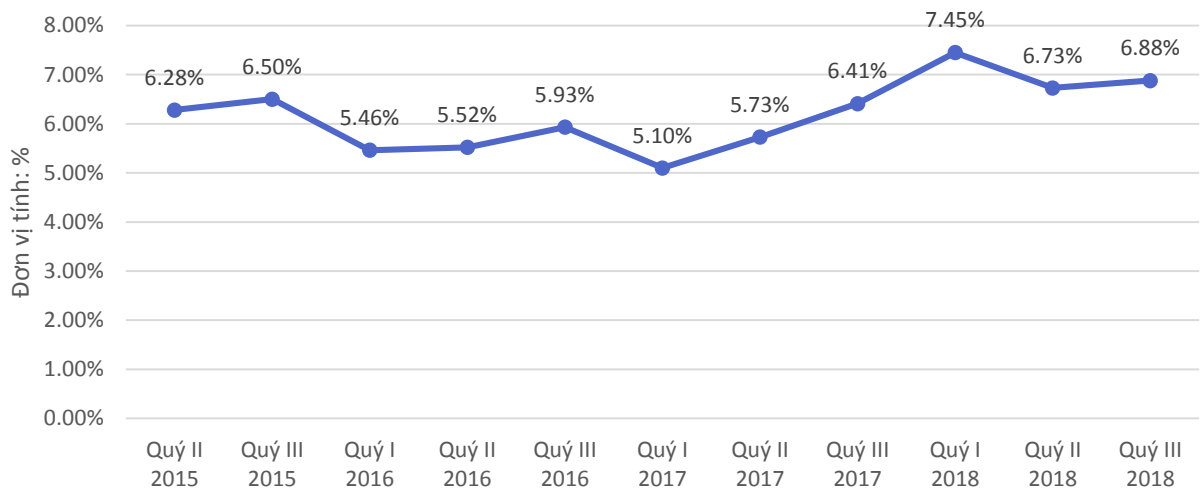
### 1. Tăng trưởng GDP.

Tổng sản phẩm trong nước (GDP) quý III năm 2018 ước tính tăng 6,88% so với cùng kỳ năm trước, tuy thấp hơn mức tăng 7,45% của quý I nhưng cao hơn mức tăng 6,73% của quý II, cho thấy nền kinh tế vẫn giữ được đà tăng trưởng. Trong đó, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,46%; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 8,61% và khu vực dịch vụ tăng 6,87%. Tăng trưởng quý III/2018 thấp hơn tốc độ tăng trưởng quý III/2017 nhưng cao hơn tăng trưởng quý III các năm 2011-2016. Xét về góc độ sử dụng GDP quý III năm 2018, tiêu dùng cuối cùng tăng 7,02% so với cùng kỳ năm trước; tích lũy tài sản tăng 8,61%; xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ tăng 15,13%; nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ tăng 14,76%.

Tính chung 9 tháng năm 2018, GDP ước tính tăng 6,98% so với cùng kỳ năm trước, là mức tăng cao nhất của 9 tháng kể từ năm 2011 trở về đây. Kết quả tăng trưởng khẳng định tính kịp thời và hiệu quả trong chỉ đạo, điều hành của Chính phủ nhằm đạt được mục tiêu tăng trưởng năm 2018. Trong mức tăng trưởng của toàn nền kinh tế, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,65%, đóng góp 8,8% vào mức tăng trưởng chung; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 8,89%, đóng góp 48,7%; khu vực dịch vụ tăng 6,89%, đóng góp 42,5%.

Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản đạt mức tăng trưởng 9 tháng năm nay cao nhất trong giai đoạn 2012-2018, từng bước khẳng định xu thế chuyển đổi cơ cấu ngành đã phát huy hiệu quả, mặt khác giá bán sản phẩm ổn định cùng với thị trường xuất khẩu được mở rộng là động lực chính thúc đẩy sản xuất của khu vực này.

**% GDP hàng quý**

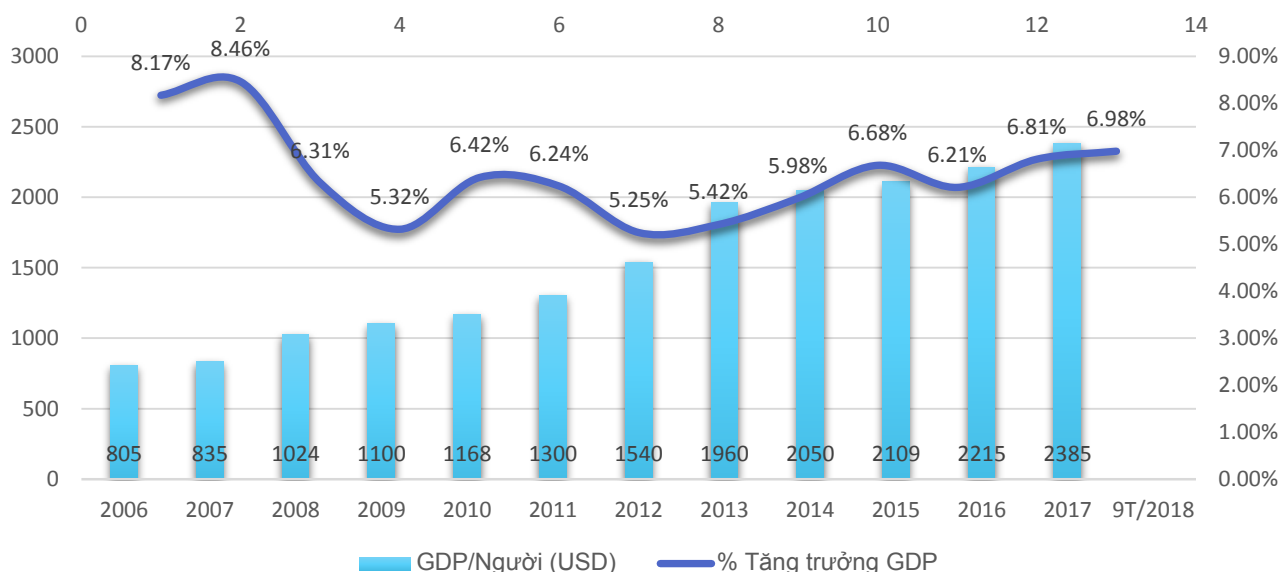


Khu vực công nghiệp và xây dựng, ngành công nghiệp duy trì mức tăng trưởng khá với 9 tháng tăng 8,98%, đóng góp 2,91 điểm phần trăm vào tốc độ tăng tổng giá trị tăng thêm của toàn nền kinh tế. Ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tiếp tục khẳng định là điểm sáng của khu vực này và là động lực chính của tăng trưởng kinh tế với mức tăng cao 12,65%. Khu vực dịch vụ 9 tháng năm nay tăng 6,89%, tuy thấp hơn mức tăng 7,21% của 9 tháng năm trước nhưng cao hơn so với cùng kỳ giai đoạn 2012-2016.

Về cơ cấu nền kinh tế 9 tháng năm 2018, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm tỷ trọng 13,93% GDP; khu vực công nghiệp và xây dựng chiếm 33,49%; khu vực dịch vụ chiếm 42,54%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm chiếm 10,04% (cơ cấu tương ứng của cùng kỳ năm 2017 là: 14,67%; 32,50%; 42,65%; 10,18%).

Xét về góc độ sử dụng GDP 9 tháng năm 2018, tiêu dùng cuối cùng tăng 7,09% so với cùng kỳ năm 2017; tích lũy tài sản tăng 7,71%; xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ tăng 15,52%; nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ tăng 14,22%.

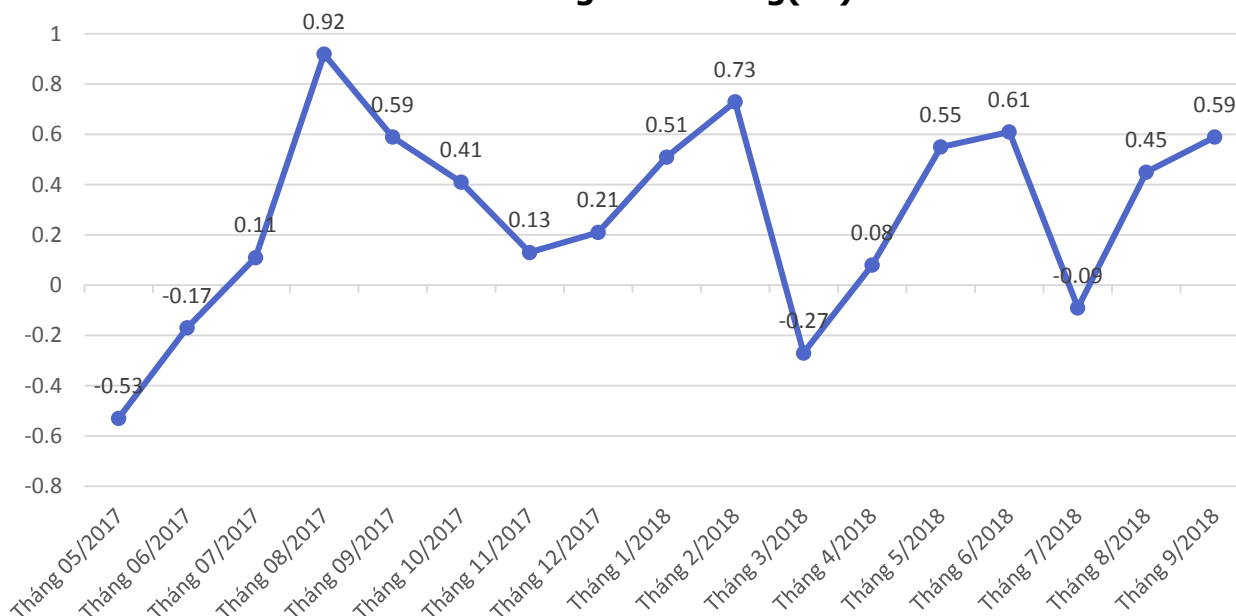
## Tăng trưởng GDP và GDP/người



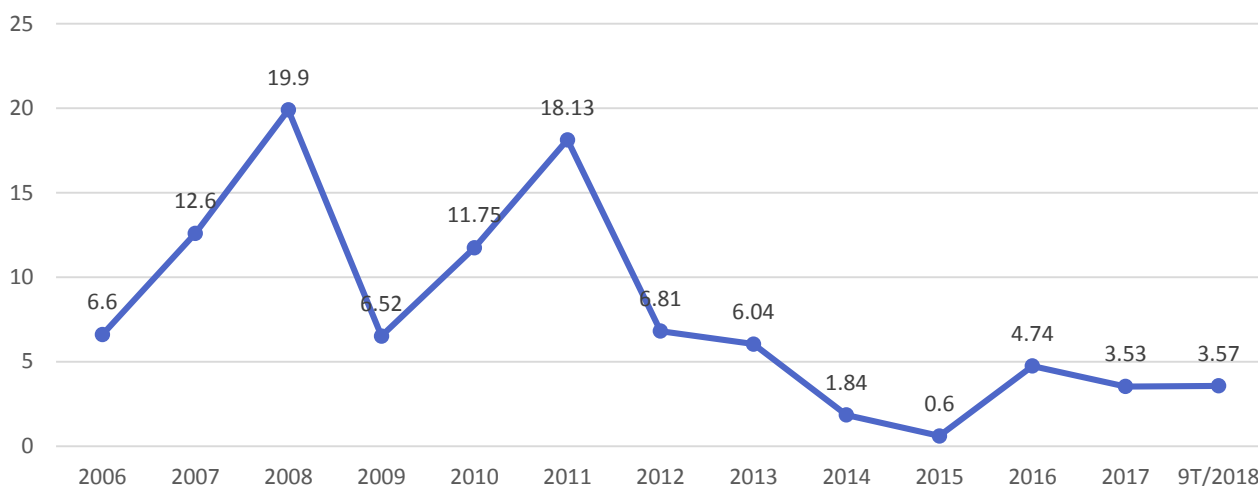
## 2. Lạm phát, CPI.

Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 9/2018 tăng 0,59% so với tháng trước. Có 10/11 nhóm hàng hóa và dịch vụ chủ yếu có CPI tháng Chín tăng so với tháng trước, trong đó nhóm giáo dục tăng cao nhất với 5,07% (dịch vụ giáo dục tăng 5,75% làm CPI chung tăng 0,3%). Nhóm giao thông tăng 0,82%. Nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 0,44%, trong đó lương thực tăng 0,28%; thực phẩm tăng 0,51%. Nhóm nhà ở và vật liệu xây dựng tăng 0,2%; thiết bị và đồ dùng gia đình tăng 0,13%; may mặc, mũ nón, giày dép tăng 0,11%; đồ uống và thuốc lá; văn hóa, giải trí và du lịch đều tăng 0,09%; thuốc và dịch vụ y tế tăng 0,04% (dịch vụ y tế tăng 0,01%); hàng hóa và dịch vụ khác tăng 0,14%. Riêng nhóm bưu chính viễn thông giảm 0,08%.

## Chỉ Số Giá Tiêu Dùng theo Tháng(%)



### % CPI theo Năm



Tính chung quý III/2018, CPI tăng 0,72% so với quý trước và tăng 4,14% so với quý III/2017, trong đó nhóm giao thông tăng 9,14% so với cùng kỳ năm trước; giáo dục tăng 6,06%; hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 4,99%; thuốc và dịch vụ y tế tăng 3,93%; nhà ở và vật liệu xây dựng tăng 3,73%; may mặc, mũ nón và giày dép tăng 1,54%; văn hóa, giải trí và du lịch tăng 1,46%; đồ uống và thuốc lá tăng 1,42%; hàng hóa và dịch vụ khác tăng 2,31%; riêng nhóm bưu chính viễn thông giảm 0,74%.

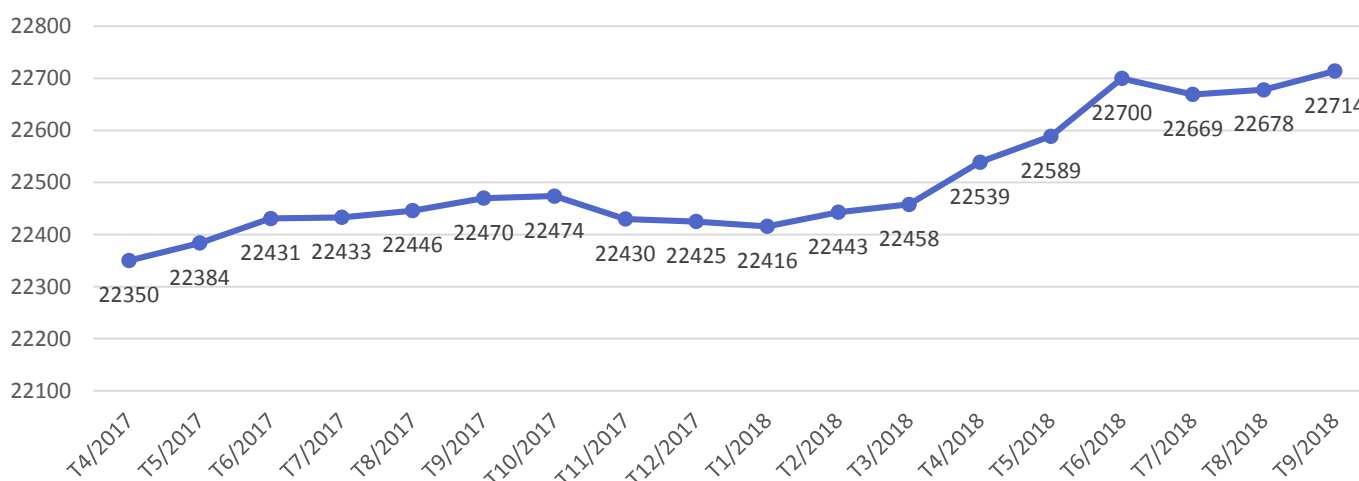
CPI bình quân 9 tháng năm 2018 tăng 3,57% so với bình quân cùng kỳ năm 2017; CPI tháng 9/2018 tăng 3,20% so với tháng 12/2017 và tăng 3,98% so với cùng kỳ năm 2017.

Lạm phát cơ bản tháng 9/2018 tăng 0,14% so với tháng trước và tăng 1,61% so với cùng kỳ năm trước. Lạm phát cơ bản bình quân 9 tháng năm 2018 tăng 1,41% so với bình quân cùng kỳ năm 2017.

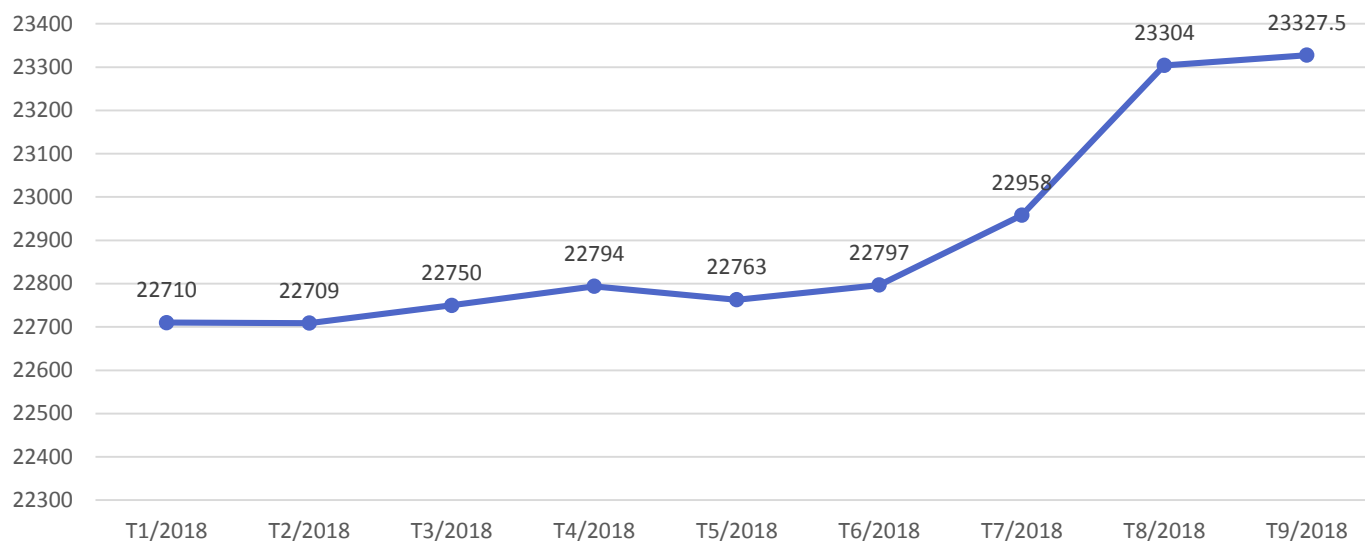
### 3. Tiền tệ, lãi suất và tỷ giá.

Tỷ giá trung tâm ngày 30/9 được Ngân hàng Nhà nước công bố ở mức 22.714 đồng, tăng 36 đồng so với cuối tháng trước. Tính tới thời điểm hiện tại, tổng mức mất giá của VND so với USD kể từ đầu năm 2018 đến nay đã hơn 2,7%, tính theo tỷ giá giao dịch thực tế. Nguyên nhân mất giá của VND theo Ngân hàng Phát triển châu Á (ADB) là do áp lực khi Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed) tăng lãi suất và chiến tranh thương mại Mỹ – Trung ngày càng leo thang. Trong đó, ngày 26/9 vừa qua, FED lần thứ ba trong năm tăng lãi suất thêm 0,25 điểm cơ bản lên mức 2%-2,25%.

### Tỷ giá trung tâm ngân hàng nhà nước USD/VND



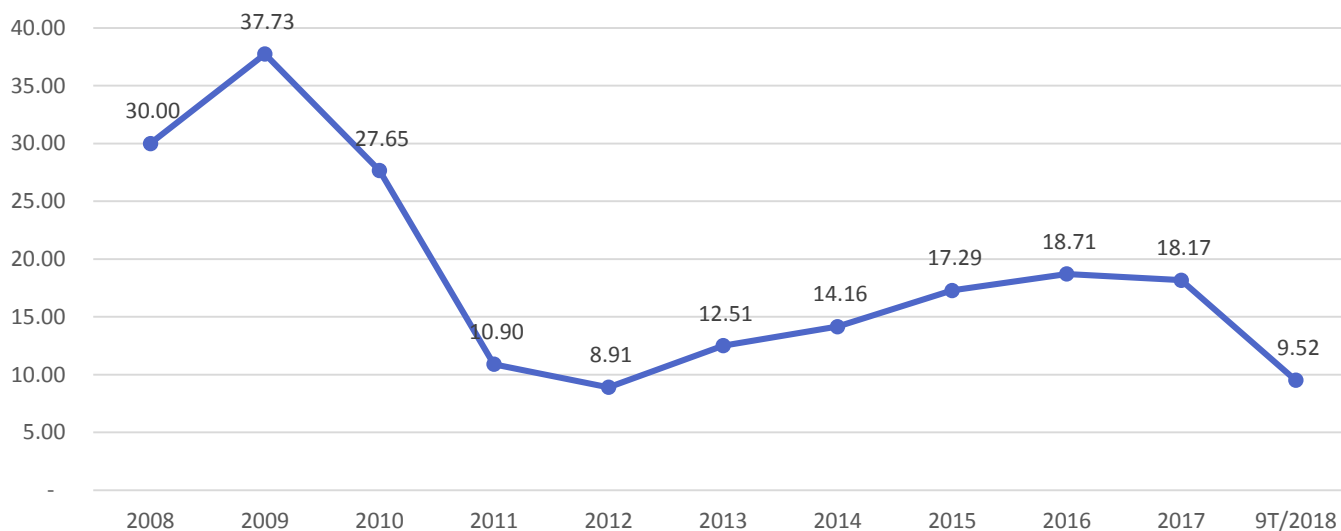
## Tỷ giá giao dịch thực tế trong năm USD/VND



Áp lực đối với tỷ giá của Việt Nam mang tính hai chiều, khi USD tăng giá và Trung Quốc phá giá Nhân dân tệ (NDT). Tỷ giá VND đang chịu sức ép từ sự lên giá của USD, hay giảm giá của đồng NDT, dù vậy, mức mất giá của đồng VND vẫn thấp hơn đáng kể so với đồng tiền của nhiều quốc gia trong khu vực, qua đó giúp xuất khẩu của Việt Nam được hưởng lợi trong một thời gian dài.

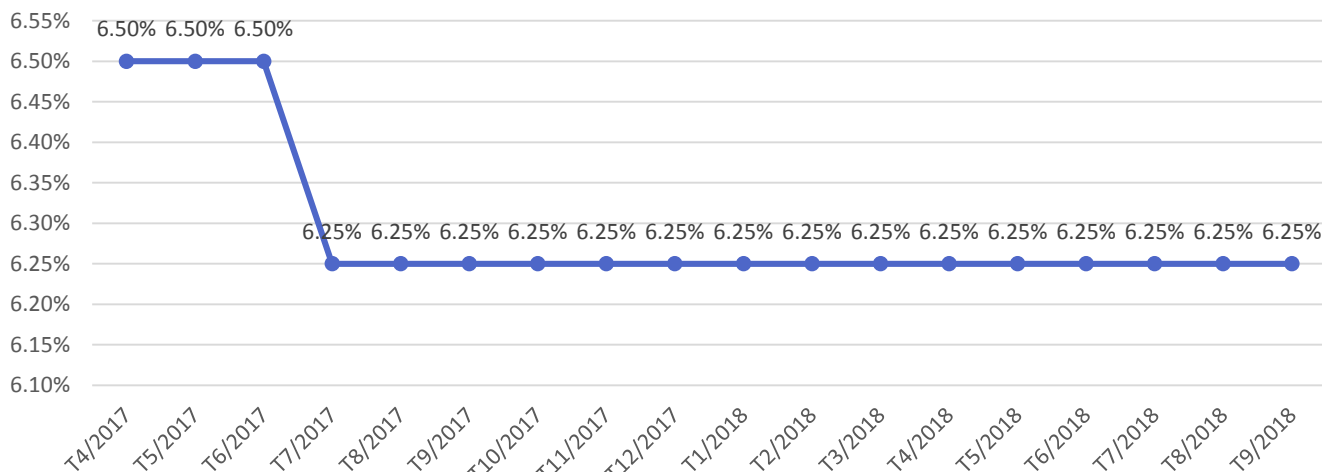
Tính đến ngày 20/9/2018, tổng phương tiện thanh toán tăng 8,74% so với cuối năm 2017 (cùng kỳ năm 2017 tăng 9,59%); huy động vốn của các tổ chức tín dụng tăng 9,15% (cùng kỳ năm 2017 tăng 10,08%); tăng trưởng tín dụng của nền kinh tế đạt 9,52% (cùng kỳ năm 2017 tăng 11,02%). Với mục tiêu tăng trưởng 17% trong năm nay, ước tính sẽ có thêm khoảng 1,1 triệu tỷ đồng được bơm qua hoạt động cho vay.

## % Tăng trưởng tín dụng hằng năm



Mặt bằng lãi suất huy động và cho vay của các tổ chức tín dụng nói chung tương đối ổn định, mặc dù một số ngân hàng đã có động thái tăng lãi suất huy động nhưng mức độ tăng nhỏ, không thể hiện xu hướng tăng của thị trường. Hiện mặt bằng lãi suất huy động đồng Việt Nam phổ biến ở mức 0,6%-1%/năm đối với tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn dưới 1 tháng; 4,3%-5,5%/năm đối với tiền gửi có kỳ hạn từ 1 tháng đến dưới 6 tháng; 5,3%-6,5%/năm đối với tiền gửi có kỳ hạn từ 6 tháng đến dưới 12 tháng; kỳ hạn trên 12 tháng ở mức 6,5%-7,3%/năm.

## Lãi Suất Tái Cấp Vốn

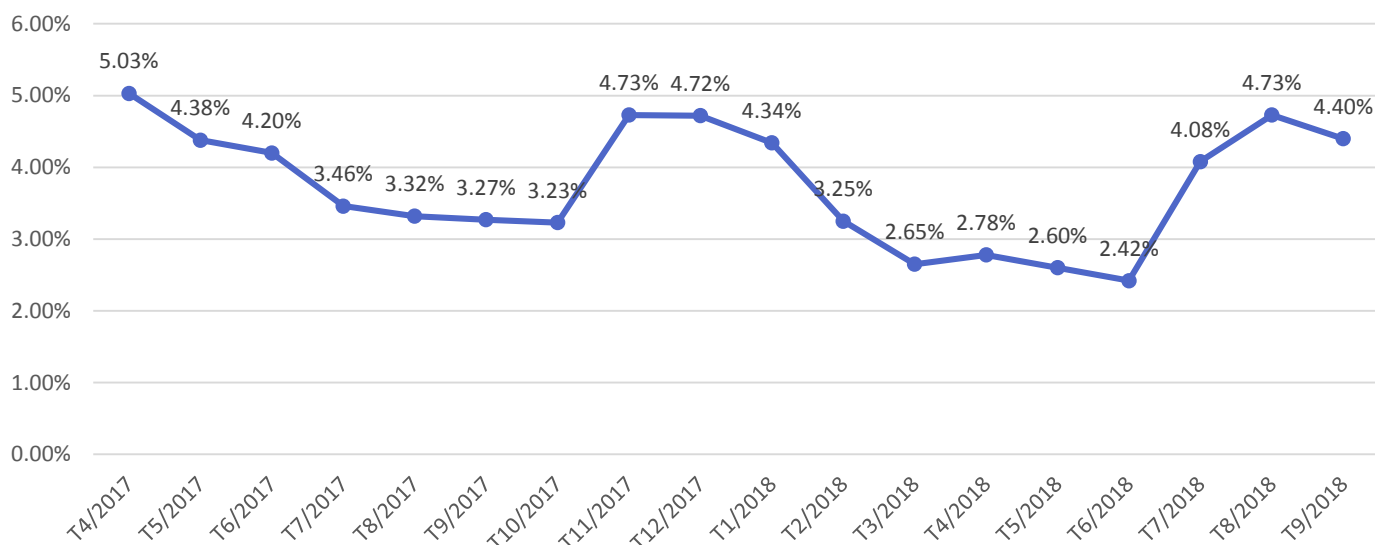


Lãi suất cho vay đồng Việt Nam phổ biến khoảng 6%-9%/năm đối với ngắn hạn và 9%-11%/năm đối với trung và dài hạn; đối với khách hàng tốt, lãi suất cho vay ngắn hạn từ 4%-5%/năm. Cơ cấu tín dụng tiếp tục chuyển hướng theo hướng tích cực tập trung chủ yếu vào lĩnh vực sản xuất kinh doanh, nhất là các lĩnh vực ưu tiên, các dự án lớn, trọng tâm trọng điểm theo chủ trương của Chính phủ.

Còn đối với lãi suất tái cấp vốn, sau đợt giảm cập lãi suất tái chiết khấu và tái cấp vốn hồi tháng 7 năm ngoái, NHNN Việt Nam vẫn chưa có bất kỳ thay đổi nào đối với lãi suất điều hành, tiếp tục giữ nguyên ở mức 6,25%. Trong khi đó, rất nhiều ngân hàng trung ương của nhiều quốc gia đã đồng loạt tăng lãi suất khi Fed tăng lãi suất vào ngày 26/08/2018 vừa qua. Cụ thể, chỉ trong vòng 2 ngày 26-27/9, 8 ngân hàng trung ương của nhiều quốc gia, vùng lãnh thổ đã đồng loạt nâng lãi suất. Từ đầu tháng 9 đến nay, con số này là 14.

Đáng chú ý, sau quyết định của Fed, theo lịch trình đã được lên trước đó, 20 NHTW các quốc gia/vùng lãnh thổ cũng đã tổ chức cuộc họp về chính sách tiền tệ. Gần một nửa đã quyết định nâng lãi suất. Philippines tăng thêm 0,5 điểm phần trăm, qua đó nâng lãi suất điều hành lên 4,5%/năm. Indonesia, Hong Kong, Ma Cao cùng UAE, Arab Saudi và Bahrain đều chỉ tăng 0,25 điểm phần trăm. Uzbekistan là quốc gia tăng lãi suất điều hành mạnh nhất, từ 14%/năm lên 16%/năm. Thổ Nhĩ Kỳ đã tăng lãi suất thêm tới 16 điểm phần trăm suốt 9 tháng qua, lên 24%/năm. Ngày 13/9, lãi suất tại quốc gia này đã được nâng thêm 6,25 điểm phần trăm.

## Lãi Suất Liên Ngân Hàng



Lãi suất liên ngân hàng sau 2 tháng tăng liên tục, thì trong tháng 9 vừa qua đã có giảm nhiệt từ mức 4,73% trong tháng 8 xuống 4,4% trong tháng 9.

#### **4. Sản xuất nông, lâm và thủy sản.**

##### **Nông nghiệp:**

Sản xuất nông nghiệp 9 tháng năm 2018 phát triển ổn định và có mức tăng trưởng khá. Tính đến trung tuần tháng Chín, diện tích gieo cấy lúa mùa cả nước đạt 1.621,6 nghìn ha, bằng 98% cùng kỳ năm trước, trong đó các địa phương phía Bắc đã kết thúc gieo cấy với diện tích đạt 1.105,6 nghìn ha, bằng 97,5%; các địa phương phía Nam đạt 516 nghìn ha, bằng 98,9%.

Gieo trồng cây hoa màu đạt thấp so với cùng kỳ năm trước do ảnh hưởng của mưa, bão gây ngập úng trên diện rộng. Tính đến giữa tháng Chín, cả nước gieo trồng được 1.025,7 nghìn ha ngô, bằng 96,5% cùng kỳ năm trước; 111,7 nghìn ha khoai lang, bằng 99,6%; 181,3 nghìn ha lạc, bằng 98%; 54 nghìn ha đậu tương, bằng 80,2%; 1.005,8 nghìn ha rau, đậu, bằng 104,9%.

Chăn nuôi trâu, bò và gia cầm nhìn chung ổn định. Tính đến tháng Chín, đàn trâu cả nước giảm 1,2% so với cùng kỳ năm 2017; đàn bò tăng 2%; đàn gia cầm tăng 5,5%. Chăn nuôi lợn tiếp tục có tín hiệu tích cực, từng bước phục hồi, thị trường tiêu thụ thuận lợi, giá thịt lợn hơi ở mức cao (dao động quanh mức 50.000 đồng/kg), các cơ sở chăn nuôi đang chuẩn bị nguồn hàng phục vụ các dịp lễ, tết cuối năm. Đàn lợn cả nước tính đến tháng 9/2018 tăng 1,8% so với cùng kỳ năm trước.

##### **Lâm Nghiệp:**

Trong quý III/2018, diện tích rừng trồng tập trung của cả nước ước tính đạt 59,6 nghìn ha, giảm 5,4% so với cùng kỳ năm trước; sản lượng gỗ khai thác đạt 3.609 nghìn m<sup>3</sup>, tăng 11,6%; sản lượng củi khai thác đạt 5,7 triệu ste, giảm 1,2%.

Tính chung 9 tháng, diện tích rừng trồng tập trung ước tính đạt 161,2 nghìn ha, giảm 0,6% so với cùng kỳ năm trước; số cây lâm nghiệp trồng phân tán đạt 59,2 triệu cây, giảm 0,2%; sản lượng củi khai thác đạt 18,7 triệu ste, giảm 1,6%; sản lượng gỗ khai thác đạt 9.095 nghìn m<sup>3</sup>, tăng 10,6% do nhu cầu gỗ nguyên liệu tiêu thụ trong nước và xuất khẩu ngày càng tăng.

Diện tích rừng bị thiệt hại quý III là 318,1 ha, tăng 29,2% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 9 tháng năm nay, diện tích rừng bị thiệt hại là 873,1 ha, giảm 22,2% so với cùng kỳ năm trước, trong đó diện tích rừng bị cháy là 333,1 ha, giảm 18,7%; diện tích rừng bị chặt, phá là 540 ha, giảm 24,2%.

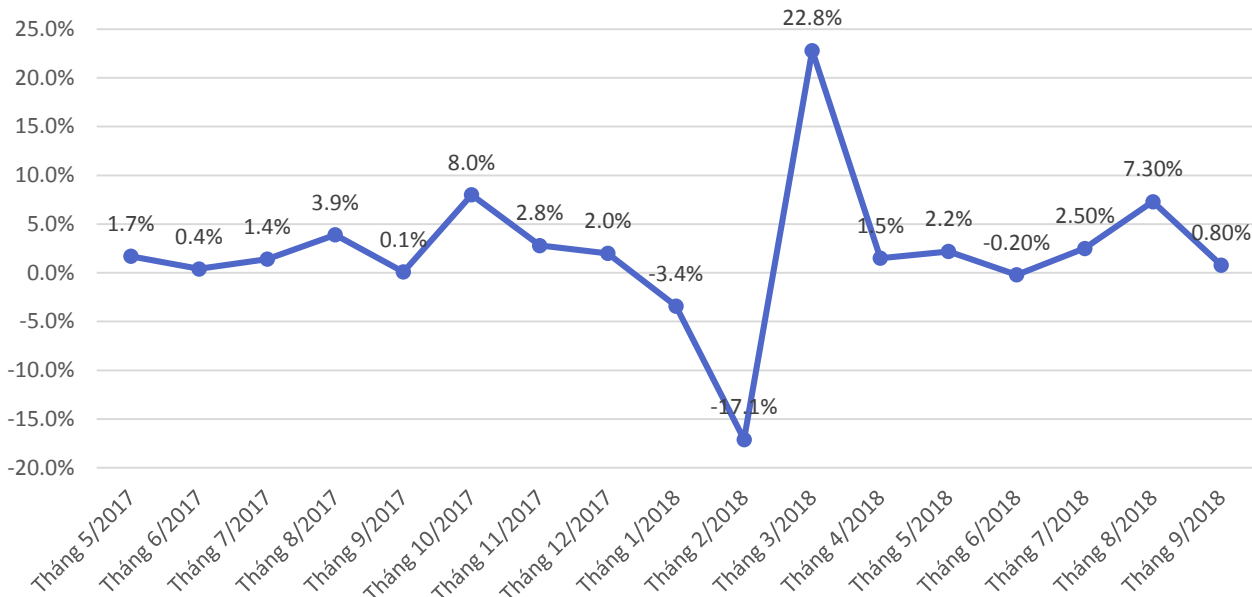
##### **Thủy sản:**

Sản xuất thủy sản tiếp tục đạt khá. Sản lượng thủy sản quý III/2018 ước tính đạt 1.939 nghìn tấn, tăng 6,2% so với cùng kỳ năm trước. Sản lượng thủy sản nuôi trồng quý III ước tính đạt 1.129,2 nghìn tấn, tăng 6,7% so với cùng kỳ năm trước. Sản lượng thủy sản khai thác quý III ước tính đạt 809,8 nghìn tấn, tăng 5,5% so với cùng kỳ.

Tính chung 9 tháng năm nay, tổng sản lượng thủy sản ước tính đạt 5.501,2 nghìn tấn, tăng 5,9% so với cùng kỳ năm trước. Sản lượng thủy sản nuôi trồng 9 tháng ước tính đạt 2.922,7 nghìn tấn, tăng 6,5% so với cùng kỳ năm trước. Sản lượng thủy sản khai thác 9 tháng ước tính đạt 2.578,5 nghìn tấn, tăng 5,2% so với cùng kỳ năm trước. Sản lượng thủy sản khai thác biển 9 tháng đạt 2.429,9 nghìn tấn, tăng 5,5%.

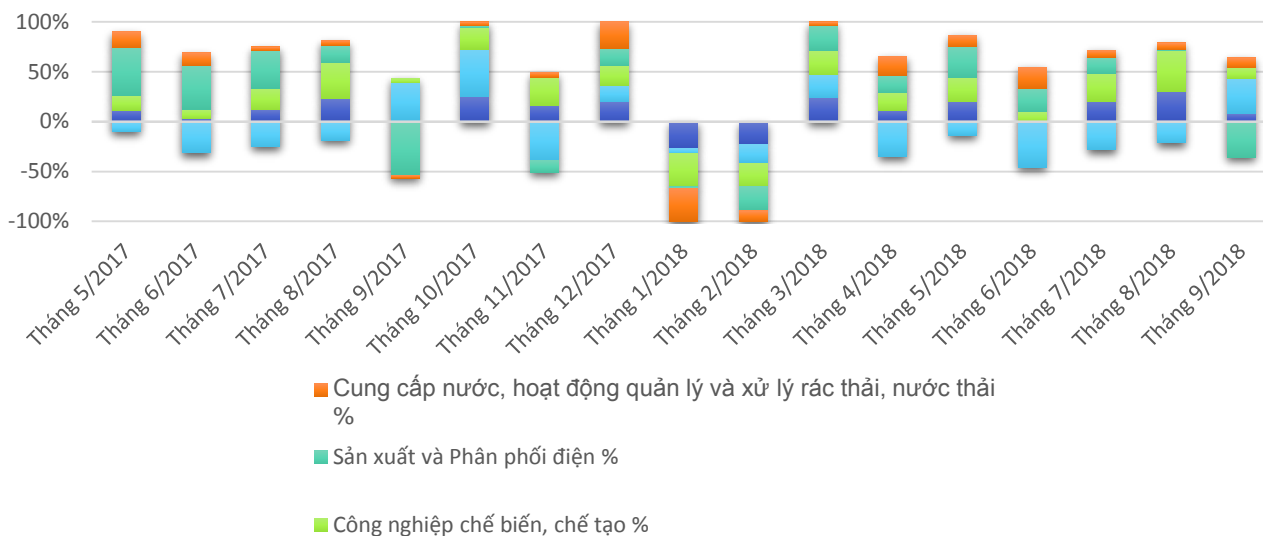
## 5. Sản xuất công nghiệp.

### Tăng trưởng % toàn ngành công nghiệp theo tháng



Chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp (IIP) tháng Chín ước tính tăng 9,1% so với cùng kỳ năm trước, trong đó ngành khai khoáng giảm 2,7%; ngành chế biến, chế tạo tăng 11,2%; sản xuất và phân phối điện tăng 5,1%; cung cấp nước và xử lý rác thải, nước thải tăng 8,4%. Tính chung quý III/2018, IIP ước tính tăng 10,7% so với cùng kỳ năm trước, trong đó ngành khai khoáng giảm 3,4%; ngành chế biến, chế tạo tăng 13,2%; sản xuất và phân phối điện tăng 7,6%; cung cấp nước và xử lý rác thải, nước thải tăng 7,4%.

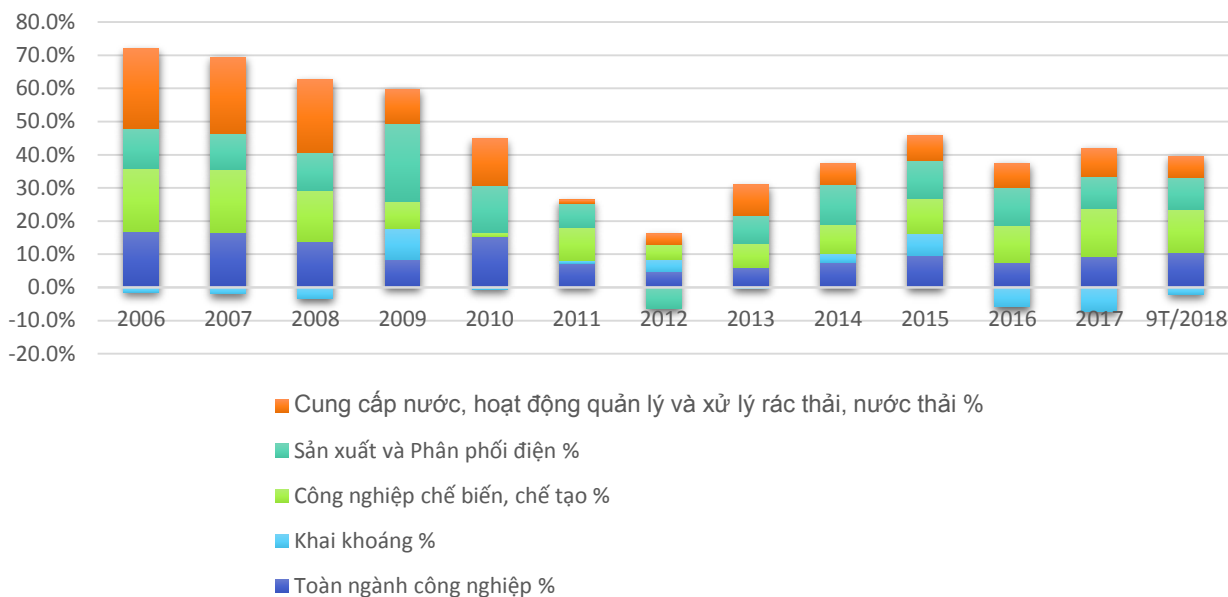
### Chỉ Số Sản Xuất Công Nghiệp



Tính chung 9 tháng năm 2018, IIP ước tính tăng 10,6% so với cùng kỳ năm trước (quý I tăng 12,7%; quý II tăng 8,2%; quý III tăng 10,7%), đạt mức tăng trưởng cao nhất kể từ năm 2012 trở lại đây [10]. Trong đó, ngành chế biến, chế tạo tiếp tục là điểm sáng dẫn dắt tăng trưởng chung của toàn ngành với mức tăng 12,9% (quý I tăng 15,7%; quý II tăng 9,6%; quý III tăng 13,2%), đóng góp 9,9 điểm phần trăm vào mức tăng chung, đây là mức tăng cao nhất của ngành này trong nhiều năm qua; ngành sản xuất và phân phối điện tăng 9,7%, đóng góp 0,9 điểm phần trăm; ngành cung cấp nước và xử lý rác thải, nước thải tăng 6,4%, đóng góp 0,1 điểm phần trăm; riêng ngành khai khoáng giảm 2% (chủ yếu do khai thác dầu thô giảm 11,7%), làm giảm 0,3 điểm phần trăm mức tăng chung.



## Chỉ số công nghiệp theo năm

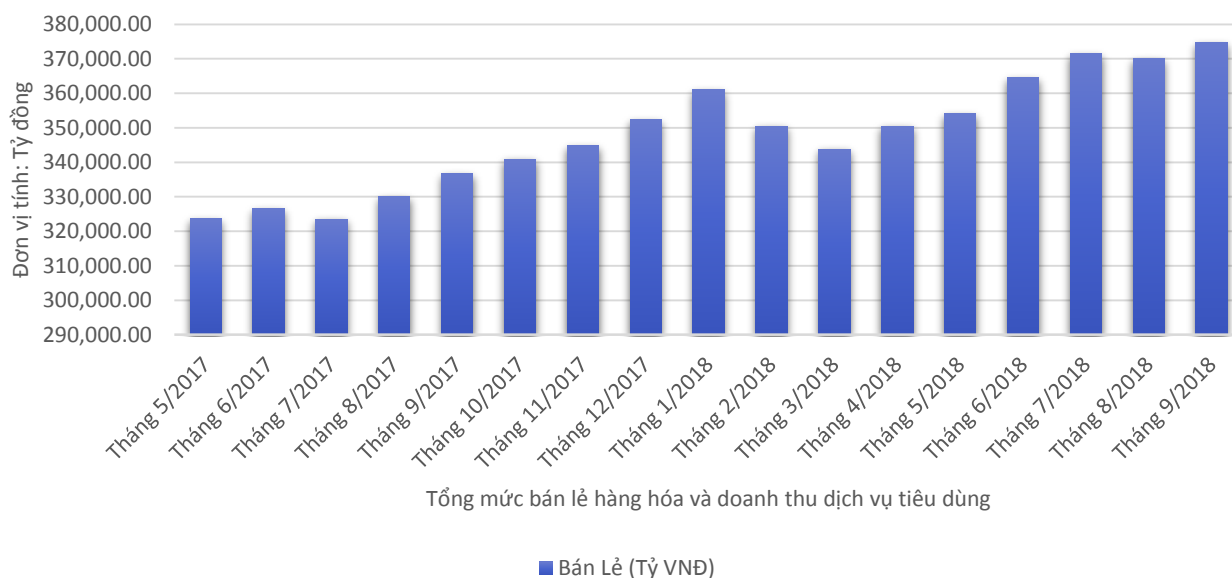


Xét theo công dụng sản phẩm công nghiệp, chỉ số sản xuất của sản phẩm trung gian (phục vụ cho quá trình sản xuất tiếp theo) 9 tháng năm 2018 tăng 11,3% so với cùng kỳ năm trước; sản phẩm phục vụ cho sử dụng cuối cùng tăng 10% (sản phẩm là tư liệu sản xuất tăng 6,2% và sản phẩm phục vụ cho tiêu dùng của dân cư tăng 11,9%).

## 6. Bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng.

Hoạt động thương mại dịch vụ trong 9 tháng năm nay tiếp tục xu hướng tăng khá, sức mua tiêu dùng tăng cao. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tháng Chín ước tính đạt 374,8 nghìn tỷ đồng, tăng 1,3% so với tháng trước và tăng 12,5% so với cùng kỳ năm trước, trong đó: Doanh thu bán lẻ hàng hóa đạt 283 nghìn tỷ đồng, tăng 1,9% và tăng 14,1%; doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống đạt 44,5 nghìn tỷ đồng, giảm 0,2% và tăng 3,9%; doanh thu du lịch lữ hành đạt 3,4 nghìn tỷ đồng, giảm 4,4% và tăng 11,8%; doanh thu dịch vụ khác đạt 43,9 nghìn tỷ đồng, giảm 0,2% và tăng 11,7%.

## Doanh số bán lẻ hàng tháng



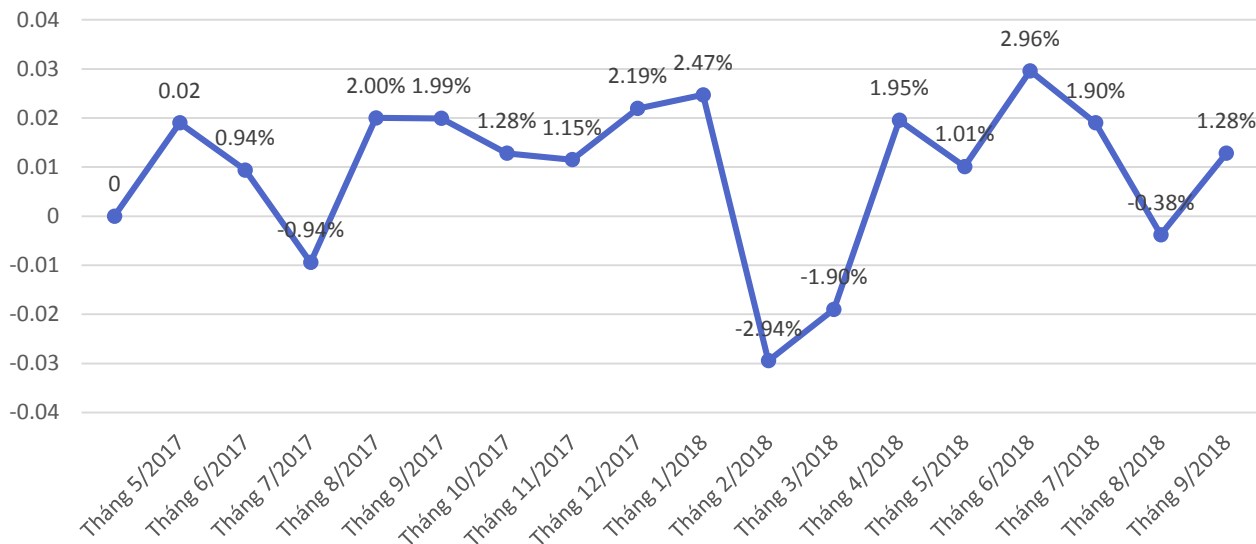
Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng

■ Bán Lẻ (Tỷ VNĐ)

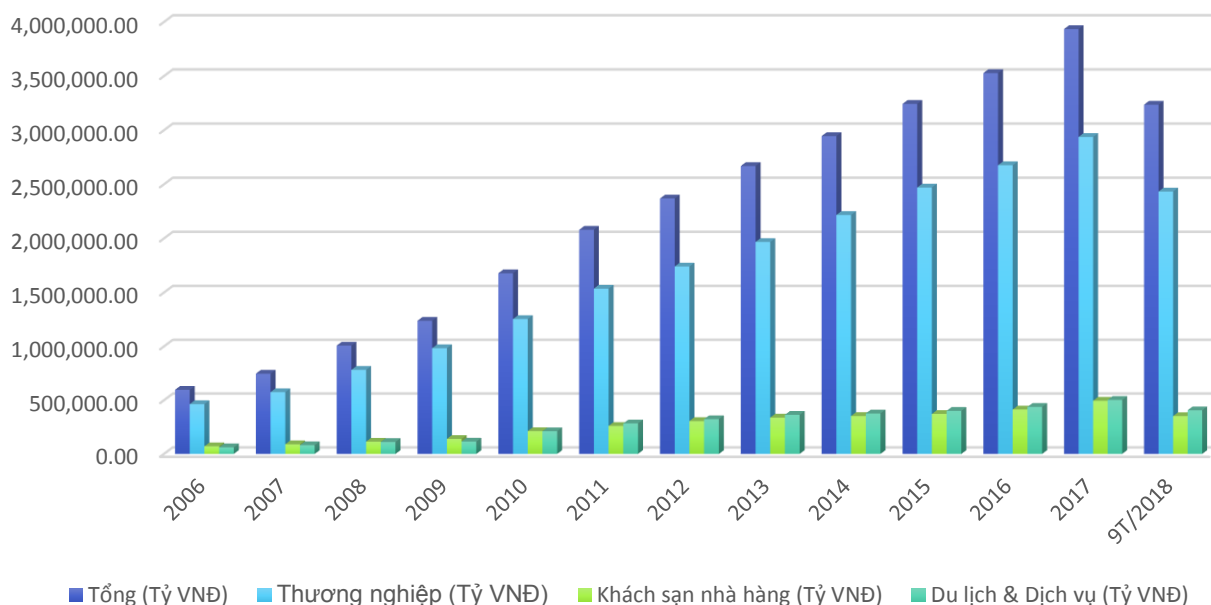


Trong quý III năm 2018, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng ước tính đạt 1.110,7 nghìn tỷ đồng, tăng 3,6% so với quý trước và tăng 12,5% so với cùng kỳ năm trước, trong đó: Doanh thu bán lẻ hàng hóa đạt 835,3 nghìn tỷ đồng, tăng 4,1% và tăng 13,4%; doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống đạt 132,1 nghìn tỷ đồng, giảm 0,4% và tăng 6%; doanh thu du lịch lữ hành đạt 10,6 nghìn tỷ đồng, tăng 12,9% và tăng 12,6%; doanh thu dịch vụ khác đạt 132,7 nghìn tỷ đồng, tăng 4,1% và tăng 13,8%.

## Tốc độ tăng trưởng % hàng tháng



## Bán lẻ Theo năm



Tính chung 9 tháng năm 2018, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng ước tính đạt 3.235,1 nghìn tỷ đồng, tăng 11,3% so với cùng kỳ năm trước, nếu loại trừ yếu tố giá tăng 8,8% (cùng kỳ năm 2017 tăng 8,76%).

Xét theo ngành hoạt động, doanh thu bán lẻ hàng hóa 9 tháng ước tính đạt 2.433,1 nghìn tỷ đồng, chiếm 75,2% tổng mức và tăng 12% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, ngành hàng lương thực, thực phẩm tăng 13%; may mặc tăng 12,4%; đồ dùng, dụng cụ, trang thiết bị gia đình tăng 11,8%; vật phẩm văn hoá, giáo dục tăng 11,5%; phương tiện đi lại tăng 11,7%. Doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống 9 tháng năm nay ước tính đạt 396 nghìn tỷ đồng, chiếm 12,3% tổng mức và tăng 8,4% so với cùng kỳ năm trước. Doanh thu dịch vụ khác 9 tháng ước tính đạt 375,7 nghìn tỷ đồng, chiếm 11,6% tổng mức và tăng 9,7% so với cùng kỳ năm 2017.

## 7. Xuất, nhập khẩu hàng hóa.

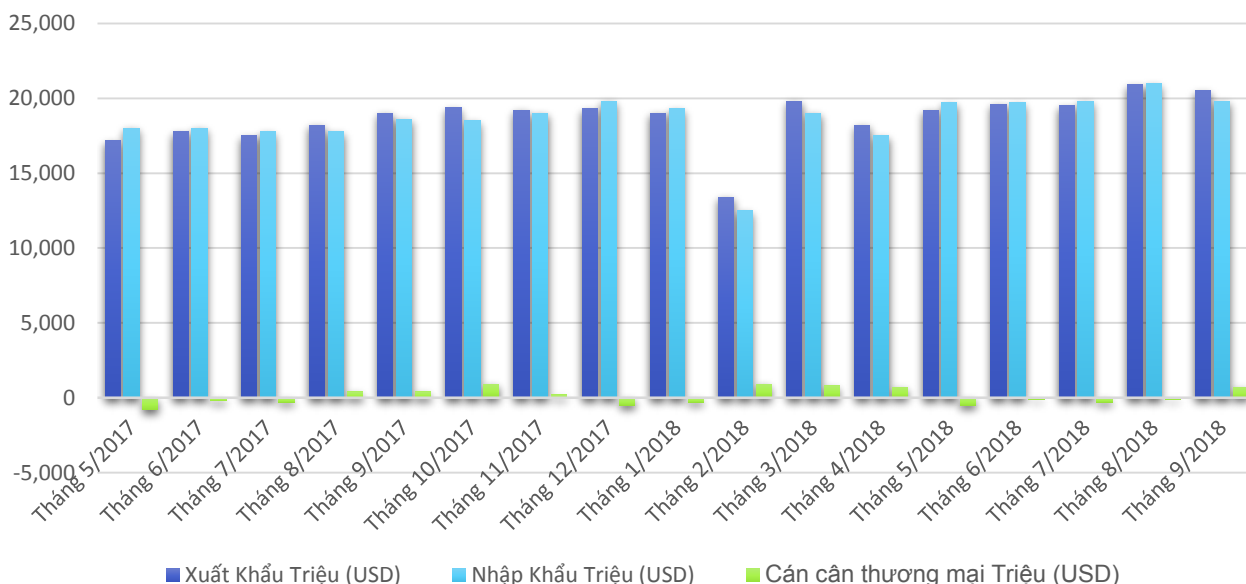
Kim ngạch hàng hóa xuất khẩu thực hiện tháng 8/2018 đạt 23.481 triệu USD, là tháng đạt kim ngạch xuất khẩu cao nhất từ trước đến nay, cao hơn 2.581 triệu USD so với số ước tính.

Kim ngạch hàng hóa xuất khẩu tháng 9/2018 ước tính đạt 20,50 tỷ USD, giảm 12,7% so với tháng trước[23], trong đó khu vực kinh tế trong nước đạt 5,39 tỷ USD, giảm 16,5%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) đạt 15,11 tỷ USD, giảm 11,3%.

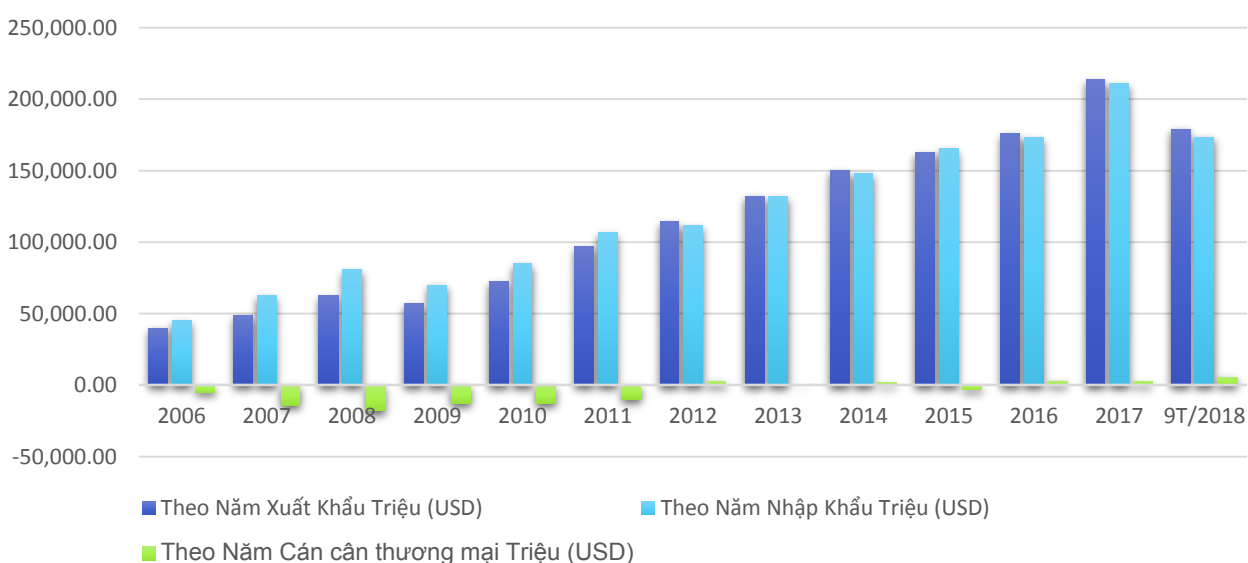
Kim ngạch hàng hóa xuất khẩu quý III/2018 ước tính đạt 64,73 tỷ USD, tăng 10,4% so với quý II/2018 và tăng 13,9% so với cùng kỳ năm 2017. Trong quý III năm nay có 12 mặt hàng đạt giá trị xuất khẩu trên 1 tỷ USD, chiếm 80% tổng kim ngạch xuất khẩu.

Tính chung 9 tháng, kim ngạch hàng hóa xuất khẩu ước tính đạt 178,91 tỷ USD, tăng 15,4% so với cùng kỳ năm 2017, trong đó khu vực kinh tế trong nước đạt 51,07 tỷ USD, tăng 17,5%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) đạt 127,84 tỷ USD (chiếm 71,5% tổng kim ngạch xuất khẩu), tăng 14,6%.

### Xuất Nhập Khẩu - Cán Cân Thương Mại (Theo Tháng)



### Xuất nhập khẩu - Cán cân thương mại



Kim ngạch hàng hóa nhập khẩu thực hiện tháng 8/2018 đạt 21.284 triệu USD, cao hơn 284 triệu USD so với số ước tính. Kim ngạch hàng hóa nhập khẩu tháng Chín ước tính đạt 19,80 tỷ USD, giảm 7% so với tháng trước, trong đó khu vực kinh tế trong nước đạt 7,40 tỷ USD, giảm 6,3%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đạt 12,40 tỷ USD, giảm 7,4%.

Kim ngạch hàng hóa nhập khẩu quý III/2018 ước tính đạt 62,70 tỷ USD, tăng 8,2% so với quý II/2018 và tăng 16% so với cùng kỳ năm 2017. Tính chung 9 tháng, kim ngạch hàng hoá nhập khẩu ước tính đạt 173,52 tỷ USD, tăng 11,8% so với cùng kỳ năm trước, trong đó khu vực kinh tế trong nước đạt 69,34 tỷ USD, tăng 11,7%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đạt 104,18 tỷ USD, tăng 11,9%. Nếu loại trừ yếu tố giá, kim ngạch hàng hóa nhập khẩu 9 tháng tăng 10,3% so với cùng kỳ năm 2017.

Do kim ngạch xuất khẩu tăng mạnh nên cán cân thương mại hàng hóa thực hiện tháng Tám thặng dư 2,2 tỷ USD; tháng Chín ước tính xuất siêu 700 triệu USD. Tính chung 9 tháng năm 2018 tiếp tục xuất siêu 5,39 tỷ USD, trong đó khu vực kinh tế trong nước nhập siêu 18,26 tỷ USD; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả đầu thô) xuất siêu 23,65 tỷ USD.

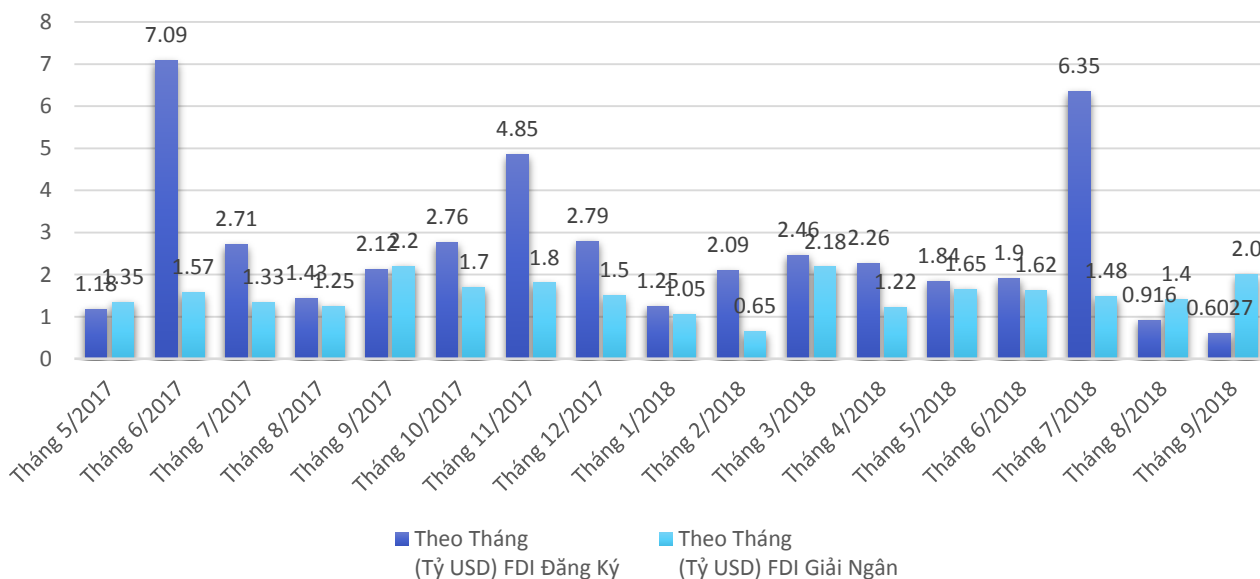
## 8. Đầu tư.

Tình hình thực hiện và giải ngân vốn đầu tư trong những tháng vừa qua có chuyển biến tích cực. Vốn đầu tư toàn xã hội thực hiện trong quý III/2018 theo giá hiện hành ước tính đạt 507,6 nghìn tỷ đồng, tăng 12,5% so với cùng kỳ năm trước, trong đó vốn khu vực Nhà nước tăng 8,9%; khu vực ngoài Nhà nước tăng 17,9%; khu vực có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài tăng 8%.

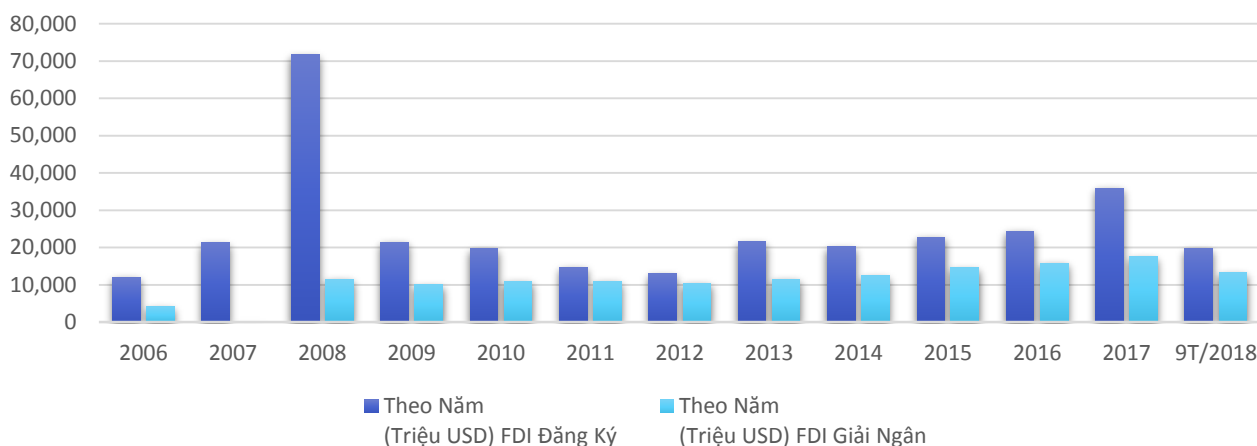
Tính chung 9 tháng năm 2018, vốn đầu tư toàn xã hội thực hiện theo giá hiện hành ước tính đạt 1.253,2 nghìn tỷ đồng, tăng 10,9% so với cùng kỳ năm trước và bằng 34% GDP, bao gồm: Vốn khu vực Nhà nước đạt 420,5 nghìn tỷ đồng, chiếm 33,6% tổng vốn và tăng 5% so với cùng kỳ năm trước; khu vực ngoài Nhà nước đạt 533,1 nghìn tỷ đồng, chiếm 42,5% và tăng 17,7%; khu vực có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài đạt 299,6 nghìn tỷ đồng, chiếm 23,9% và tăng 8,4%.

Đầu tư trực tiếp của nước ngoài từ đầu năm đến thời điểm 20/9/2018 thu hút 2.182 dự án cấp phép mới với số vốn đăng ký đạt 14.124,5 triệu USD, tăng 18,3% về số dự án và giảm 3% về vốn đăng ký so với cùng kỳ năm 2017. Bên cạnh đó, có 841 lượt dự án đã cấp phép từ các năm trước đăng ký điều chỉnh vốn đầu tư với số vốn tăng thêm đạt 5.544,2 triệu USD, giảm 17,9% so với cùng kỳ năm trước. Như vậy, tổng số vốn đăng ký cấp mới và vốn tăng thêm trong 9 tháng đạt 19.668,7 triệu USD, giảm 7,7% so với cùng kỳ năm 2017.

**FDI Tháng**



## FDI hàng năm



Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện 9 tháng năm nay ước tính đạt 13,25 tỷ USD, tăng 6% so với cùng kỳ năm 2017. Trong 9 tháng năm 2018 còn có 5.275 lượt góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài với tổng giá trị góp vốn là 5,7 tỷ USD, tăng 36,8% so với cùng kỳ năm 2017, trong đó có 788 lượt góp vốn, mua cổ phần làm tăng vốn điều lệ của doanh nghiệp với giá trị vốn góp là 1,84 tỷ USD và 5.087 lượt nhà đầu tư nước ngoài mua lại cổ phần trong nước mà không làm tăng vốn điều lệ với giá trị 3,86 tỷ USD.

Đầu tư của Việt Nam ra nước ngoài trong 9 tháng năm nay có 99 dự án được cấp mới giấy chứng nhận đầu tư với tổng vốn của phía Việt Nam là 286 triệu USD; 23 dự án điều chỉnh vốn với số vốn tăng thêm là 44,9 triệu USD. Tính chung tổng vốn đầu tư của Việt Nam ra nước ngoài (vốn cấp mới và tăng thêm) 9 tháng năm 2018 đạt 330,9 triệu USD, trong đó lĩnh vực tài chính, ngân hàng đạt 105,8 triệu USD, chiếm 32% tổng vốn đầu tư; lĩnh vực nông, lâm nghiệp và thủy sản đạt 63,8 triệu USD, chiếm 19,3%; lĩnh vực công nghiệp chế biến, chế tạo đạt 45,9 triệu USD, chiếm 13,9%.

## 9. Thu chi ngân sách nhà nước.

Tổng thu ngân sách Nhà nước từ đầu năm đến thời điểm 15/9/2018 ước tính đạt 898,3 nghìn tỷ đồng, bằng 68,1% dự toán năm, trong đó thu nội địa 710,1 nghìn tỷ đồng, bằng 64,6%; thu từ dầu thô 43,5 nghìn tỷ đồng, bằng 121,1%; thu cân đối ngân sách từ hoạt động xuất, nhập khẩu 140,9 nghìn tỷ đồng, bằng 78,7%.

Tổng chi ngân sách Nhà nước từ đầu năm đến thời điểm 15/9/2018 ước tính đạt 936,6 nghìn tỷ đồng, bằng 61,5% dự toán năm, trong đó chi thường xuyên đạt 651 nghìn tỷ đồng, bằng 69,2%; chi đầu tư phát triển 192,8 nghìn tỷ đồng, bằng 48,2%; chi trả nợ lãi 79,3 nghìn tỷ đồng, bằng 70,5%.

## 10. Tình hình đăng ký doanh nghiệp.

Trong tháng Chín, cả nước có 9.163 doanh nghiệp thành lập mới với số vốn đăng ký là 84,8 nghìn tỷ đồng, giảm 21,4% về số doanh nghiệp và giảm 21,2% về số vốn đăng ký so với tháng trước<sup>[15]</sup>; vốn đăng ký bình quân một doanh nghiệp đạt 9,3 tỷ đồng, tăng 0,3%; tổng số lao động đăng ký của các doanh nghiệp thành lập mới là 85,1 nghìn người, giảm 23,5%.

Trong quý III năm nay, cả nước có 32.080 doanh nghiệp đăng ký thành lập mới với số vốn đăng ký là 314,4 nghìn tỷ đồng, giảm 15% về số doanh nghiệp và giảm 15,1% về số vốn đăng ký so với quý trước; vốn đăng ký bình quân một doanh nghiệp đạt 9,8 tỷ đồng, giảm 0,1%; tổng số lao động đăng ký của các doanh nghiệp thành lập mới là 311,2 nghìn người, tăng 9,9%.

Tính chung 9 tháng, cả nước có 96.611 doanh nghiệp đăng ký thành lập mới với tổng vốn đăng ký là 963,4 nghìn tỷ đồng, tăng 2,8% về số doanh nghiệp và tăng 6,7% về số vốn đăng ký so với cùng kỳ năm 2017<sup>[16]</sup>; vốn đăng ký bình quân một doanh nghiệp thành lập mới đạt 10 tỷ đồng, tăng 3,8%.

Số doanh nghiệp tạm ngừng hoạt động trong 9 tháng năm 2018 là 73.103 doanh nghiệp, tăng 48,1% so với cùng kỳ năm trước, bao gồm 23.053 doanh nghiệp đăng ký tạm ngừng kinh doanh có thời hạn, tăng 24,6% và 50.050 doanh nghiệp tạm ngừng hoạt động không đăng ký hoặc chờ giải thể, tăng 62,3%.

## 11. Vận tải hành khách và hàng hóa.

Vận tải hành khách tháng Chín ước tính đạt 398 triệu lượt khách, tăng 12% so với cùng kỳ năm trước và 18 tỷ lượt khách.km, tăng 9,5%. Vận tải hành khách quý III năm nay đạt 1.183,7 triệu lượt khách, tăng 11,6% so với quý III năm trước và 53,4 tỷ lượt khách.km, tăng 10,5%.

Tính chung 9 tháng, vận tải hành khách đạt 3.446,1 triệu lượt khách, tăng 10,5% so với cùng kỳ năm trước và 153,5 tỷ lượt khách.km, tăng 10,6%, trong đó vận tải trong nước đạt 3.433,8 triệu tấn, tăng 10,5% và 118,5 tỷ tấn.km, tăng 10,5%; vận tải ngoài nước đạt 12,3 triệu tấn, tăng 10,9% và 35 tỷ tấn.km, tăng 10,6%.

Vận tải hàng hóa tháng Chín ước tính đạt 139,7 triệu tấn, tăng 12,1% so với cùng kỳ năm trước và 26,4 tỷ tấn.km, tăng 9,4%. Vận tải hàng hóa quý III ước tính đạt 415 triệu tấn, tăng 11% và 78 tỷ tấn.km, tăng 9,2%, là quý có mức tăng cao nhất kể từ đầu năm. Tính chung 9 tháng, vận tải hàng hóa đạt 1.211,2 triệu tấn, tăng 9,9% so với cùng kỳ năm trước và 225,9 tỷ tấn.km, tăng 7,5%.

## 12. Khách nước ngoài đến Việt Nam.

Khách quốc tế đến nước ta trong tháng Chín ước tính đạt 1.212,6 nghìn lượt người, tăng 24,2% so với cùng kỳ năm trước, trong đó khách đến từ châu Á tăng 28,4%, từ châu Âu tăng 10%, từ châu Mỹ tăng 10,8%, từ châu Úc giảm 2,4%, từ châu Phi tăng 11,5%. Trong quý III, khách quốc tế đến nước ta đạt 3.725 nghìn lượt người, tăng 14,9% so với cùng kỳ năm trước, thấp hơn mức tăng của quý I (30,9%) và quý II (23,1%).

Tính chung 9 tháng năm nay, khách quốc tế đến nước ta ước tính đạt 11.616,5 nghìn lượt người, tăng 22,9% so với cùng kỳ năm trước, trong đó khách đến bằng đường hàng không đạt 9.407,4 nghìn lượt người, tăng 17,4%; đến bằng đường bộ đạt 2.018,3 nghìn lượt người, tăng 62,1%; đến bằng đường biển đạt 190,8 nghìn lượt người, tăng 0,5%.

## TỔNG KẾT NHỮNG TIÊU ĐIỂM ĐÁNG CHÚ Ý VỀ KINH TẾ VĨ MÔ 9 THÁNG ĐẦU NĂM 2018.

Bức tranh kinh tế Việt Nam 9 tháng đầu năm 2018 tiếp tục ghi nhận nhiều điểm sáng: GDP và chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) có mức tăng cao nhất kể từ 2011 trở lại đây, xuất siêu đạt mức kỷ lục 5,4 tỷ USD, lạm phát được kiểm soát dưới mục tiêu Quốc hội giao...

### Điểm sáng kinh tế 9 tháng đầu năm 2018:

- **GDP:** Tính chung 9 tháng năm 2018, GDP ước tính tăng 6,98% so với cùng kỳ năm trước (trong đó, Q1 tăng 7,45%; Q2 tăng 6,73%; Q3 tăng 6,88%), là mức tăng cao nhất của 9 tháng kể từ năm 2011 trở về đây.
- **Vốn đầu tư:** Tính chung 9 tháng năm 2018, vốn đầu tư toàn xã hội thực hiện theo giá hiện hành ước tính đạt 1.253,2 nghìn tỷ đồng, tăng 10,9% so với cùng kỳ năm trước và bằng 34% GDP.
- **Về FDI:** Tổng số vốn đăng ký cấp mới và vốn tăng thêm đạt 19,67 tỷ USD (giảm 7,7%). Trong khi giải ngân FDI đạt 13,25 tỷ USD (tăng 6,0%).
- **Chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp** tiếp tục tăng cao, 10,6% so với cùng kỳ năm trước; trong đó Hà Tĩnh là địa phương có mức tăng cao nhất 110,4% chủ yếu nhờ đóng góp của Tập đoàn Formosa.
- **Về phía tiêu dùng:** Hoạt động thương mại dịch vụ 9 tháng năm nay tiếp tục xu hướng tăng khá, sức mua tiêu dùng tăng cao. Tổng mức bán lẻ HH&DV tiêu dùng ước tính đạt 3.235,1 nghìn tỷ đồng, tăng 11,3% so với cùng kỳ năm trước, nếu loại trừ yếu tố giá thì tăng 8,8% (cùng kỳ năm 2017 tăng 8,76%).
- **Xuất siêu:** Cán cân thương mại duy trì trạng thái xuất siêu, ước đạt 5,39 tỷ USD; trong đó, khu vực kinh tế trong nước nhập siêu 18,3 tỷ USD; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) xuất siêu 23,7 tỷ USD.
- **Doanh nghiệp:** Luỹ kế 9 tháng năm 2018, cả nước có 96.611 doanh nghiệp thành lập mới với số vốn đăng ký là 963.411 tỷ đồng, tăng 2,8% về số doanh nghiệp và tăng 6,7% về số vốn đăng ký so với cùng kỳ năm 2017.
- **Khách quốc tế:** Khách quốc tế đến nước ta trong tháng Chín ước tính đạt 1.212,6 nghìn lượt người, tăng 24,2% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 9 tháng năm nay, khách quốc tế đến nước ta ước tính đạt 11.616,5 nghìn lượt người, tăng 22,9% so với cùng kỳ năm trước.

### Bên cạnh những mặt tích cực, nền kinh tế còn đối diện với nhiều khó khăn, thách thức, đặc biệt áp lực lên tỷ giá, lãi suất, lạm phát, sản xuất trong nước...

- **CPI tháng 8:** Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 9/2018 tăng 0,59% so với tháng trước. Tính chung quý III/2018, CPI tăng 0,72% so với quý trước và tăng 4,14% so với quý III/2017. CPI bình quân 9 tháng năm 2018 tăng 3,57% so với bình quân cùng kỳ năm 2017.
- **Lạm phát cơ bản:** Lạm phát cơ bản tháng 9/2018 tăng 0,14% so với tháng trước và tăng 1,61% so với cùng kỳ năm trước. Lạm phát cơ bản bình quân 9 tháng năm 2018 tăng 1,41% so với bình quân cùng kỳ năm 2017.
- **Tỷ giá:** Tỷ giá trung tâm ngày 30/9 được Ngân hàng Nhà nước công bố ở mức 22.714 đồng, tăng 36 đồng so với cuối tháng trước. Tính tới thời điểm hiện tại, tổng mức mất giá của VND so với USD kể từ đầu năm 2018 đến nay đã hơn 2,7%, tính theo tỷ giá giao dịch thực tế.
- **Doanh nghiệp:** 9 tháng năm 2018, số lượng doanh nghiệp chờ giải thể tăng kỷ lục. Với 50.050 doanh nghiệp tạm ngừng hoạt động không đăng ký hoặc chờ giải thể, tăng 62,3% so với cùng kỳ năm trước.
- **Chỉ số nhà quản trị mua hàng (PMI):** PMI giảm mạnh xuống 51,5 điểm trong tháng 9 - mức thấp của mười tháng trong tháng 9 do sản lượng, số lượng đơn đặt hàng mới và việc làm đều tăng chậm hơn. Giá cả đầu ra đã giảm lần đầu tiên trong 13 tháng trong khi tốc độ tăng chi phí đầu vào chậm lại.



## KẾT LUẬN:

Đánh giá 9 tháng đầu năm tình hình kinh tế Việt Nam tiếp tục có nhiều điểm sáng khả quan, tuy nhiên có 2 vấn đề mà chúng tôi cho rằng nhà đầu tư cần lưu ý quan sát diễn biến trong thời gian tới, cụ thể:

Vấn đề thứ 1 là áp lực đối với lạm phát cũng đang gia tăng. Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 9/2018 tăng 0,59% so với tháng trước. Tính chung quý III/2018, CPI tăng 0,72% so với quý trước và tăng 4,14% so với quý III/2017. CPI bình quân 9 tháng năm 2018 tăng 3,57% so với bình quân cùng kỳ năm 2017. Nguyên nhân chủ yếu là do giá dịch vụ giáo dục tăng 5,7% và đặc biệt là giá xăng dầu tăng. Thời gian qua, Chính phủ luôn nỗ lực điều hành, kiểm soát lạm phát với mục tiêu CPI bình quân dưới 4%, trong đó, mặt hàng xăng dầu được điều hành linh hoạt. Mặc dù giá xăng dầu tăng ảnh hưởng tới CPI, nhưng mục tiêu lạm phát của năm 2018 sẽ được Chính phủ kiểm soát tốt với việc sử dụng phù hợp Quỹ bình ổn giá xăng dầu để hạn chế tác động tăng giá của mặt hàng này đến CPI.

Vấn đề thứ 2 là áp lực đối với tỷ giá. Xu hướng tăng giá của USD tiếp tục là điểm nóng của thị trường tài chính trong những tháng gần đây, đặc biệt với sự kiện Fed tăng lãi suất thêm 0,25% lên 2,25% vào ngày 26/09/2018 vừa qua, khiến cho nhiều đồng nội tệ bị mất giá, trong đó có VND. Tính tới thời điểm hiện tại, tổng mức mất giá của VND so với USD kể từ đầu năm 2018 đến nay đã hơn 2,7%, tính theo tỷ giá giao dịch thực tế. Bên cạnh đó, chiến tranh thương mại đang leo thang khiến cho đồng nhân dân tệ (NDT) mất giá cũng tác động không nhỏ tới tỷ giá của VND so với USD. Tuy nhiên, nhiều chuyên gia cho rằng tỷ giá Việt Nam đang tương đối ổn định, VND đang biến động trong khoảng 1%. Hơn nữa, giới chuyên gia cho rằng những yếu tố tác động của thị trường lên tỷ giá đã được lường trước. Vì vậy, sẽ khó có những cú sốc xảy ra, bởi NHNN đã có những "kịch bản" để sẵn sàng đối phó khi có "sóng" tỷ giá. Hiện, dự trữ ngoại hối đã lên đến kỷ lục 63,5 tỷ USD giúp NHNN dễ dàng điều tiết thị trường khi có biến động lớn. Chẳng hạn như khi tỷ giá biến động trong tháng 7 vừa qua, NHNN đã bán ròng ra 2,5 tỷ USD, khiến thị trường lập tức dịu ngay.

Mặt khác, tỷ giá VND đang chịu sức ép từ sự lên giá của USD, hay giảm giá của đồng NDT, dù vậy, mức mất giá của đồng VND vẫn thấp hơn đáng kể so với đồng tiền của nhiều quốc gia trong khu vực. Ở tình hình vĩ mô, điều đó cũng được phản ánh qua mức lạm phát 9 tháng của Việt Nam nằm trong biên độ 1,3%-1,5% và mặt bằng lãi suất ổn định, thậm chí mặt bằng lãi suất cho vay còn giảm nhẹ so với cuối năm trước. Ngoài ra so với các nước khác trong khu vực như Philippines, Indonesia, Ấn Độ... hay các quốc gia khác như Uzbekista, Thổ Nhĩ Kỳ, Argentina... thì mặt bằng biến động tỷ giá của Việt Nam khá nhỏ, qua đó thu hút đáng kể dòng vốn FDI và giúp cho cán cân thương mại ở mức xuất siêu lên đến 5,39 tỷ USD trong 9 tháng đầu năm.



**LIÊN HỆ TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU VNCS:** [vncs.research@vn-cs.com](mailto:vncs.research@vn-cs.com)

Người thực hiện: **Lưu Chí Kháng**  
Chuyên viên Phân tích Cao cấp  
Email: [khanglc@vn-cs.com](mailto:khanglc@vn-cs.com)

Người thực hiện: **Đỗ Thị Hường**  
Trợ lý Phân tích  
Email: [huongdt@vn-cs.com](mailto:huongdt@vn-cs.com)

**TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU VNCS:**

## **Đỗ Bảo Ngọc**

Phó Tổng Giám Đốc & Giám Đốc Trung tâm nghiên cứu  
Email: [ngocdb@vn-cs.com](mailto:ngocdb@vn-cs.com)

### **Bộ phận Phân tích Ngành và Doanh nghiệp**

#### **Nguyễn Đức Minh**

Chuyên viên Phân tích Cao cấp  
Email: [minhnd@vn-cs.com](mailto:minhnd@vn-cs.com)

#### **Trần Vũ Phương Liên**

Chuyên viên phân tích  
Email: [lientvp@vn-cs.com](mailto:lientvp@vn-cs.com)

#### **Vũ Thùy Dương**

Chuyên viên phân tích  
Email: [duongvt@vn-cs.com](mailto:duongvt@vn-cs.com)

### **Bộ phận Phân tích Kinh tế Vĩ mô và Thị trường Chứng khoán**

#### **Lưu Chí Kháng**

Chuyên viên Phân tích Cao cấp  
Email: [khanglc@vn-cs.com](mailto:khanglc@vn-cs.com)

#### **Đỗ Thị Hường**

Trợ lý Phân tích  
Email: [huongdt@vn-cs.com](mailto:huongdt@vn-cs.com)

**Hệ Thống Khuyến Nghị:** Hệ thống khuyến nghị của CTCP Chứng khoán Kiến Thiết Việt Nam (VNCS) được xây dựng dựa trên mức chênh lệch của giá mục tiêu 12 tháng và giá cổ phiếu trên thị trường tại thời điểm đánh giá.

<b>Xếp hạng</b>	<b>Khi (giá mục tiêu – giá hiện tại)/giá hiện tại</b>
MUA	$\geq 20\%$
KHẢ QUAN	Từ 10% đến 20%
PHÙ HỢP THỊ TRƯỜNG	Từ -10% đến +10%
KÉM KHẢ QUAN	Từ -10% đến -20%
BÁN	$\leq -20\%$

**Tuyên bố miễn trách nhiệm:** Bản quyền năm 2018 thuộc về Công ty Cổ phần Chứng khoán Kiến Thiết Việt Nam (VNCS). Những thông tin sử dụng trong báo cáo được thu thập từ những nguồn đáng tin cậy và VNCS không chịu trách nhiệm về tính chính xác của chúng. Quan điểm thể hiện trong báo cáo này là của (các) tác giả và không nhất thiết liên hệ với quan điểm chính thức của VNCS. Không một thông tin cũng như ý kiến nào được viết ra nhằm mục đích quảng cáo hay khuyến nghị mua/bán bất kỳ chứng khoán nào. Báo cáo này không được phép sao chép, tái bản bởi bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào khi chưa được phép của VNCS.

## **TRỤ SỞ VNCS**

Tầng 3 Grand Plaza, số 117 Trần Duy Hưng, Cầu Giấy, Hà Nội  
ĐT: + 84 24 3926 0099  
Webiste: [www.vn-cs.com](http://www.vn-cs.com)